

Bản án số: 75/2018/DS-PT  
Ngày: 10-4-2018  
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

*Các Thẩm phán:* Bà Quách Tố Giang  
Ông Nguyễn Văn Sơn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Ông Nguyễn Ngọc Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2017/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2017, về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 275/2017/DS-ST, ngày 19/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện AP bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 48/2018/QĐPT-DS ngày 23/02/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm: 1974; Cư trú tại: ấp TK, thị trấn LB, huyện AP, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Lê Đình Ch, sinh năm 1954; địa chỉ: Số 10A, đường LN, ấp VT, thị trấn CD, huyện PC, An Giang theo văn bản ủy quyền ngày 10/11/2017, có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Mã Vũ L, sinh năm: 1981, có mặt;

2.2. Bà Lý Thị Tr, sinh năm 1983, có mặt.

Cùng cư trú tại: ấp TK, thị trấn LB, huyện AP, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các bị đơn là Luật sư Hồ Hoàng Ph – Văn phòng Luật sư Hồ Hoàng Ph thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1972; Cư trú tại: ấp TK, thị trấn LB, huyện AP, tỉnh An Giang, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung án sơ thẩm:

Bà T khởi kiện vợ chồng bà Lý Thị Tr và ông Mã Vũ L là người tham gia các dây hụi của bà làm chủ như sau:

Dây hụi thứ nhất bà Tr tham gia là hụi 20.000.000 đồng (hụi này Tr và Th cùng tham gia).

Hụi khai ngày đầu tiên là vào ngày 10/8/2016 âm lịch (ngày 10/9/2016 lịch dương), hụi 15 ngày khai 1 lần, khai vào các ngày 10 và 25 âm lịch hàng tháng, có 29 phần, hụi này kết thúc vào ngày 10/9/2017 âm lịch nhằm ngày 29/10/2017 dương lịch.

Hụi khai được 6 lần thì vào ngày 10/11/2016 âm lịch bà Tr và Th bỏ số tiền 2.600.000 hốt, hụi sống là 22 phần x 17.400.000 đồng = 382.800.000 đồng, hụi chết 6 phần x 20.000.000 đồng = 120.000.000 đồng, tổng cộng 502.800.000 đồng, trừ tiền còn 5.200.000 đồng = 497.600.000 đồng/ 2 người Th và Tr, như vậy tiền vốn mà Tr hốt được là 248.800.000 đồng, sau đó Tr châu lại 22 lần, còn 07 lần là ngưng, tiền vốn của 7 lần mà Tr chưa châu là 17.400.000: 2 x 7 lần = 60.900.000 đồng, (hụi chết là 70.000.000 đồng) tính đến thời điểm xét xử thì còn 01 lần nữa là mãn hụi 29/10/2017 (nhằm ngày 10/9/2017 âm lịch)

Dây hụi thứ 2 Tr tham gia là hụi 10.000.000 đồng (hụi khai ngày 28/01/2017, nhằm ngày 24/02/2017 dương lịch), hụi 15 ngày khai 1 lần, khai vào các ngày 28 và 13 âm lịch hàng tháng. Hụi này có 44 phần, kết thúc vào ngày 13/10/2018 âm lịch, nhằm ngày 19/11/2018 dương lịch.

Hụi khai được 3 lần thì đến lần thứ 4 vào ngày 13/3/2017 âm lịch thì Trang bỏ số tiền 1.800.000 đồng để hốt hụi, trừ Tr 01 phần còn 43 phần, 3 phần chết là 10.000.000 đồng = 30.000.000, 40 phần còn sống x 8.200.000 đồng = 328.000.000; Tổng cộng: 328.000.000 + 30.000.000 - còn 2.800.000 = 355.200.000 đồng, sau khi hốt châu được 6 lần ngưng vào ngày 28/6/2017 âm lịch (nhằm ngày 22/6/2017 dương lịch), còn lại 34 lần chưa châu, tính đến ngày xét xử thì tiền chưa châu vốn là = 278.800.000 đồng ngưng châu cho đến hôm nay, tiền hụi chết phải châu đủ là 340.000.000 đồng.

Nay bà T yêu cầu vợ chồng Tr và L phải cùng liên đới trả nợ cho bà tiền nợ hụi theo quy định của pháp luật là 410.000.000 đồng.

Bị đơn bà Lý Thị Tr trình bày: Bà thừa nhận có tham gia dây hụi như bà T trình bày, cụ thể: dây hụi 20.000.000 đồng, bà và bà Th hùn nhau để chơi mỗi người châu 10.000.000 đồng/tháng khi hốt, đối với dây hụi này bà còn nợ bà T

70.000.000 đồng. Nhưng bà Tr cho rằng hụi chưa kết thúc nên bà không đồng ý trả đủ.

Đối với dây hụi 10.000.000 đồng, bà tham gia chơi đã hốt hụi và còn nợ lại 34 lần chưa châu hụi chết, tuy nhiên hụi này tính đến tháng 10 âm lịch/2018 mới kết thúc và tính đến nay thì bà chỉ nợ số tiền 40.000.000 đồng, do đó nếu tính đến khi kết thúc hết các dây hụi thì bà mới nợ 410.000.000 đồng.

Nay do hoàn cảnh bà bị giựt nợ nên không khả năng đóng hụi. Đề nghị Tòa án đình chỉ vụ kiện này để bà thu hồi nợ và đóng hụi cho bà T. Bà trình bày là việc nợ hụi chỉ mình bà tham gia với bà T, ông L không liên quan.

Bà Th trình bày: bà có cùng tham gia chơi hụi với bà Tr hụi 20.000.000 đồng bà Tr và bà đã hốt hụi xong và còn nợ 7 lần hụi như bà T nói, tuy nhiên phần của bà bà vẫn châu bình thường cho bà T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 275/2017/DS-ST, ngày 19/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện AP đã tuyên xử:

Căn cứ vào Điều 282; Điều 288; Điều 429; Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 2, Điều 92; Điều 147; Điều 177; Điều 179; Điều 217; khoản 3 Điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 27; Điều 30 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326 của UBTV Quốc Hội về án phí, lệ phí,

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T

Buộc bà Lý Thị Tr và ông Mã Vũ L phải trả cho bà Võ Thị T số tiền là 367.368.000 đồng (Ba trăm sáu mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng)

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 42.632.000 đồng do nguyên đơn rút lại yêu cầu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, lãi suất chậm trả, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 30 tháng 10 năm 2017, bị đơn ông Mã Vũ L và bà Lý Thị Tr làm đơn kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 275/2017/DS-ST, ngày 19/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện AP.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Lý Thị Tr nêu yêu cầu kháng cáo cụ thể: Yêu cầu xem xét lại phần tiền lãi mà cấp sơ thẩm buộc bà phải trả cho bà T là 18.586.000 đồng và yêu cầu được giảm án phí dân sự sơ thẩm. Đối với ông Mã Vũ L yêu cầu xem xét lại trách nhiệm liên đới trả nợ với bà Tr.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu quan điểm:*

Tại phiên tòa bà Tr chỉ kháng cáo yêu cầu được giảm án phí và xem xét lại lãi suất 1,6% mà cấp sơ thẩm đã tính. Đối với ông L xin xem xét trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà T, ông L là người có công việc và thu nhập ổn định, bà Tr tham gia chơi hụi với bà T thì không cho ông L biết, ông L chỉ biết bà Tr làm công việc đổi tiền, bản thân bà Tr bị ông A, bà B thiếu số tiền trên 1,8 tỷ đồng nên không có khả năng trả nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo của bà Tr đối với yêu cầu được giảm án phí và giảm lãi đối với số tiền 18.586.000đồng và xem xét nghĩa vụ liên đới trả nợ của ông L.

Các bị đơn không tranh luận bổ sung.

*Nguyên đơn tranh luận:*

Đồng ý cho bị đơn trả  $\frac{1}{2}$  số tiền lãi là 9.293.000đồng, bà Tr và ông L là vợ chồng hợp pháp cùng chung sống một nhà, bà Tr khai tham gia chơi hụi của bà T ông L không biết là không có cơ sở, bởi vì số tiền bà Tr chơi hụi không phải là số tiền nhỏ, mục đích bà Tr chơi hụi và hốt hụi lấy tiền mua bán lúa gạo sinh lãi phục vụ cho nhu cầu của gia đình, ông L khai không có trách nhiệm là không có căn cứ. Việc ông A, bà B thiếu nợ bà Tr không liên quan gì đến số nợ của bà T, bà Tr nêu lý do bị ông A, bà B giật nợ nên không có khả năng trả nợ cho bà T là không đúng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử, các đương sự cũng đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Bà Tr thừa nhận có tham gia chơi hai dây hụi do bà T làm chủ và đã hốt hụi hết cả hai dây. Đối với dây hụi 20.000.000đồng bà Tr còn nợ bà T 70.000.000đồng, dây hụi này đã kết thúc nên bà Tr phải có nghĩa vụ trả cho bà T 70.000.000đồng. Đối với dây hụi 10.000.000đồng cho đến nay chưa kết thúc nên bà Tr phải trả cho bà T tiền vốn là 278.800.000đồng và lãi suất chậm trả là 0,83%/tháng. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý giảm cho bà Tr 50% lãi còn 9.293.000đồng tương đương với 0,83%/tháng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông L và bà Tr là vợ chồng hợp pháp, bà Tr khai tiền hốt hụi dùng để mua bán lúa gạo, mục đích cũng nhằm tạo thu nhập cho gia đình, do đó ông L phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Tr trả nợ cho bà T.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, sửa Bản án sơ thẩm buộc bà Tr, ông L phải trả cho bà T 358.093.000đồng, miễn cho các bị đơn một phần án phí sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu Th đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà Th.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà Lý Thị Tr thừa nhận có tham gia chơi hụi cho bà Võ Thị T làm chủ các dây hụi sau:

- Dây thứ nhất: Hụi 20.000.000đồng/15 ngày mở 1 lần vào các ngày 10 và 25 âm lịch hàng tháng, ngày mở hụi lần đầu tiên là 10/8/2016 âm lịch (Ngày 10/9/2016 dương lịch), kết thúc vào ngày 10/9/2017 âm lịch (Ngày 29/10/2017 dương lịch), có 29 phần hụi, dây hụi này bà Lý Thị Tr và bà Nguyễn Thị Thu Th cùng tham gia 1 phần.

Hụi mở được 6 lần thì vào ngày 10/11/2016 âm lịch bà Tr và bà Th hốt hụi được 497.600.000 đồng/2 người, bà Tr nhận được 248.800.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà Th đã góp hụi chết đủ, còn bà Tr góp được 22 lần thì ngưng, còn nợ 07 lần x 10.000.000đồng/ lần = 70.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 10.000.000 đồng/15 ngày mở 1 lần vào các ngày 28 và 13 âm lịch hàng tháng, có 44 phần, mở hụi lần đầu tiên vào ngày 28/01/2017 al (Ngày 24/02/2017 dl), kết thúc vào ngày 13/10/2018al (Ngày 19/11/2018 dl).

Hụi mở được 3 lần thì đến lần thứ 4 (Ngày 13/3/2017 âm lịch) bà Tr hốt được 355.200.000 đồng, sau khi hốt bà Tr góp được 6 lần thì ngưng vào ngày 28/6/2017 âm lịch (Ngày 22/6/2017 dl), còn nợ lại 34 lần chưa góp, tiền vốn chưa góp là = 278.800.000, tiền hụi chết phải góp đủ đến ngày kết thúc hụi là 340.000.000 đồng.

Cấp sơ thẩm tuyên buộc bà Lý Thị Tr và ông Mã Vũ L phải trả cho bà Võ Thị T số tiền 367.368.000đồng, bà Tr, ông L không đồng ý kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa bà Lý Thị Tr thống nhất công nợ bà T dây hụi thứ nhất 70.000.000 đồng, dây hụi thứ hai 278.800.000 đồng đồng ý trả nợ không yêu cầu xem xét, chỉ yêu cầu xem xét lại phần tiền lãi mà cấp sơ thẩm buộc bà phải trả cho bà T là 18.586.000đồng và yêu cầu được giảm án phí dân sự sơ thẩm. Ông Mã Vũ L yêu cầu xem xét lại trách nhiệm liên đới trả nợ với bà Tr.

[3] Xét kháng cáo của bà Tr:

Giữa bà Tr và bà T có xác lập quan hệ hợp đồng góp hụi với nhau, việc hợp đồng góp hụi giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật. Bà T là chủ hụi, có nghĩa vụ tổ chức quản lý hụi, thu các phần hụi và giao các phần hụi đó cho các thành viên được lĩnh hụi cho đến khi kết thúc hụi, nộp thay các

phần hội của thành viên nếu đến kỳ mở hội mà có thành viên không góp hội; có quyền yêu cầu các thành viên không góp phần hội của mình phải hoàn trả phần hội trong trường hợp chủ hội đã góp thay cho thành viên đó.

Đối với bà Tr là thành viên tham gia hội thì có nghĩa vụ góp hội theo thỏa thuận cho thành viên tham gia hội, khi đến kỳ mở hội thành viên được lĩnh hội có quyền nhận các phần hội từ các thành viên khác. Cả 2 dây hội mà bà Tr tham gia chơi được xác định là hội có lãi, chủ hội được hưởng huê hồng. Khi hốt hội bà Tr phải trả lãi cho các hội viên khác, bà T chỉ hưởng huê hồng chứ bà Tr không trả lãi cho bà T.

Bà T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của chủ hội là đã thu các phần hội của hội viên khác và giao đủ tiền hốt hội cho bà Tr, tuy nhiên sau khi hốt hội bà Tr không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người hội viên là góp hội đầy đủ khi đến kỳ mở hội là vi phạm nghĩa vụ của người hội viên, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà T, bà T đã góp thay tiền hội cho bà Tr, vì vậy bà T yêu cầu bà Tr phải trả lại số tiền hội đã góp thay là có căn cứ.

Đối với dây hội thứ nhất bà Tr còn nợ 7 kỳ hội chết chưa góp là 70.000.000đồng, bà T đã góp thay bà Tr, do đó bà Tr phải có nghĩa vụ trả lại cho bà T 70.000.000đồng, cấp sơ thẩm buộc bà Tr phải trả cho bà T 70.000.000đồng là phù hợp. Tại phiên tòa bà Tr cũng không yêu cầu xem xét lại dây hội này, đồng ý trả cho bà T số tiền 70.000.000đồng.

Riêng dây hội thứ hai, bà Tr cũng thống nhất số tiền vốn phải trả cho bà T là 278.800.000đồng, bà chỉ yêu cầu xem xét lại lãi suất mà cấp sơ thẩm đã buộc phải trả cho bà T là 18.586.000đồng.

Xét thấy: Hợp đồng góp hội giữa các đương sự không thỏa thuận lãi suất, bà T đã góp tiền hội thay cho bà Tr tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 4 tháng, nên bà Tr phải có nghĩa vụ trả cho bà T lãi suất chậm trả do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 bằng 50% lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 0,83%/tháng, cấp sơ thẩm buộc bà Tr phải trả cho bà T mức lãi suất 1,6%/tháng theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là chưa chính xác.

Tại phiên tòa phía nguyên đơn đồng ý giảm cho bà Tr  $\frac{1}{2}$  số tiền lãi, chỉ yêu cầu bà Tr phải trả lãi 9.293.000đồng tương đương 0,83%/tháng, bà Tr cũng đồng ý trả cho bà T số tiền lãi 9.293.000đồng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Tr sửa Bản án sơ thẩm buộc bà Tr phải trả cho bà T số tiền của dây hội thứ nhất là 70.000.000đồng, dây hội thứ hai là 278.800.000đồng và tiền lãi là 9.293.000đồng, tổng cộng là 358.093.000đồng.

[4] Xét kháng cáo của ông Mã Vũ L yêu cầu xem xét lại trách nhiệm liên đới thì thấy:

Bà Tr khai số tiền hốt hai dây hội trên bà sử dụng vào mục đích kinh doanh lúa gạo để kiếm thêm lợi nhuận phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt gia đình.

Ông L và bà Tr là vợ chồng hợp pháp, cho đến thời điểm hiện nay vẫn còn sống chung một nhà, bà Tr và ông L cho rằng việc bà Tr chơi hụi và mua bán lúa gạo ông L không biết là không có cơ sở. Do đó cấp sơ thẩm buộc bà Tr, ông L phải cùng liên đới trả tiền cho bà T là có căn cứ. Ông L kháng cáo yêu cầu xem xét lại trách nhiệm liên đới nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có cơ sở để chấp nhận, vì vậy buộc ông L cùng bà Tr phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 358.093.000đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Tr ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm bà Tr, ông L có đơn xin miễn giảm một phần án phí do hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương vào ngày 30/10/2017. Căn cứ vào khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Hội đồng xét xử giảm cho ông L, bà Tr 50% án phí dân sự sơ thẩm, ông L, bà Tr còn phải nộp 8.952.300đồng.

[3] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Tr ông L không phải chịu án phí phúc thẩm, được nhận lại 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002606 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 13; khoản 4 Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lý Thị Tr về việc yêu cầu xem xét được giảm lãi suất và giảm án phí dân sự sơ thẩm.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Mã Vũ L về việc yêu cầu xem xét trách nhiệm liên đới cùng bà Tr trả nợ cho bà Võ Thị T.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 275/2017/DS-ST, ngày 19/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện AP.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T.

Buộc bà Lý Thị Tr và ông Mã Vũ L phải có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị T số tiền là 358.093.000đồng (Ba trăm năm mươi tám triệu không trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 42.632.000 đồng do nguyên đơn rút lại yêu cầu.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý Thị Tr và ông Mã Vũ L phải nộp 8.952.300 đồng;

Bà Võ Thị T được nhận lại 11.600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0011212 ngày 08/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP.

- Về án phí phúc thẩm: Bà Tr, ông L được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002606 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao;
- VKSND - AG;
- TAND – AP;
- THA – AP;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Minh Phượng**